

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 16/2018/DS- ST

Ngày: 26-11-2018.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay  
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Tiếng Thơ**.

- Ông **Đinh Trọng Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nghiêm Văn Hải**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Huệ** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 51/2018/TLST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị V** – Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Đoàn Thị T** – Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Quảng Trị, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

( Bà V, bà T có mặt, bà T vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 22-8-2016 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Võ Thị V thể hiện:

Vào ngày 25/5/2015 ( Âm lịch ) bà Đoàn Thị T có vay của bà V số tiền 80.000.000đ, bà đã giao đủ số tiền trên cho bà T, thời hạn trả nợ là ngày 30/5/2015 ( Âm lịch ), tới hạn trả nợ bà đã đòi bà T nhiều lần nhưng bà T không trả, do vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà T phải trả cho bà 80.000.000đ tiền gốc và tiền lãi là 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 30/5/2015 ( Âm lịch ) cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

**Ý kiến của bà Đoàn Thị T:** Ngày 25/5/2015 bà không vay của bà V 80.000.000đ như bà V trình bày, số tiền 80.000.000đ là do bà T vay bà V, khi bà V đưa tiền cho bà T bà T có chứng kiến sự việc nên bà T ký vào giấy vay tiền là người làm chứng, sau đó bà V cắt bớt một phần giấy vay tiền có chữ viết người làm chứng do bà T viết, do bà không vay của bà V 80.000.000đ nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Bà T khẳng định chữ ký trong giấy vay tiền ngày 25/5/2015 không phải là chữ ký của bà nhưng bà không yêu cầu giám định còn chữ viết Đoàn Thị T là chữ viết của bà. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên. Bị đơn bà T đề nghị

Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập bà T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị V về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Đoàn Thị T.

Buộc bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị V số tiền: 104.200.000 ( Một trăm lẻ bốn triệu hai trăm ngàn ) đồng, trong đó tiền nợ gốc 80.000.000đ, tiền lãi 24.200.000đ.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên tòa của bà T vì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điều b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2]** Theo giấy vay tiền ngày 25-5-2015 do bà V cung cấp thể hiện: Vào ngày 25-5-2015 bà V có cho bà Đoàn Thị T vay số tiền 80.000.000đ, thời hạn trả nợ ngày 30/5/2015, lãi xuất thỏa thuận. Đến hạn trả nợ bà V đã đòi bà T nhiều lần nhưng bà T không trả nên bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho bà V số tiền gốc 80.000.000đ và tiền lãi là 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 30/5/2015 ( Âm lịch ) cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Yêu cầu trên của bà V là có cơ sở và đúng pháp luật vì bà V xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và đúng pháp luật mặc dù giấy vay tiền do bà V cung cấp không còn nguyên vẹn, nhưng bản chất và nội dung trong giấy vay tiền không bị ảnh hưởng vẫn thể hiện người vay, số tiền vay, thời gian trả nợ và người vay ký tên, hiện nay phần cắt bỏ bà V không còn lưu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Bà T cho rằng bà không vay của bà V số tiền 80.000.000đ, số tiền này do bà T vay, đối với giấy vay tiền ngày 25/5/2015 do bà V xuất trình bà chỉ ký với tư cách là người làm chứng chứ không ký người vay tiền, phần chữ người làm chứng đã được bà V cắt bỏ lời trình bà trên của bà T là không có cơ sở chấp nhận vì bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, theo kết luận giám định số 451/GĐ –PC45 ngày 22/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận chữ ký ghi họ tên Đoàn Thị T dưới mục người vay trong giấy vay tiền ngày 25/5/2015 so với chữ ký ghi họ tên Đoàn Thị T là do cùng một người ký ra, do đó có căn cứ xác định chữ ký ghi họ tên Đoàn Thị T trong giấy vay tiền là của bà T, quá trình giải quyết vụ án bà T đề nghị Tòa án tiến hành xác minh cán bộ UBND xã Quảng trị chứng kiến việc bà T viết giấy chứng thực và xuất trình cho Tòa án 01 giấy chứng thực được viết ngày 24/7/2015 do bà T viết và ký tên được bà Đoàn Thị Thu Lan và bà Nguyễn Thị Yên làm chứng nội dung giấy chứng thực là bà T giới thiệu bà T đến bà V vay số tiền là 80.000.000đ và giấy xác nhận do bà Nguyễn Thị Yên viết và ký tên ngày

08/12/2017, bà Đoàn Thị Thu Lan viết và ký tên ngày 02/12/2017. Giấy chứng thực do bà T cung cấp không có giá trị pháp lý vì không được bà V thừa nhận, đồng thời Tòa án đã tiến hành xác minh theo yêu cầu của bà T, nhưng cán bộ UBND xã Quảng Trị trình bày do thời gian đã lâu không nhớ chính xác vụ việc như thế nào nên không có cơ sở trả lời cho Tòa án, đối với giấy xác nhận của bà Yến, bà Lan viết thể hiện số tiền trên do bà T vay từ bà V còn bà T chỉ là người làm chứng, toàn bộ những lời trình bày trên không được bà V thừa nhận, đồng thời bà T trình bày chưa khi nào bà cho bà T vay số tiền 80.000.000đ nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ Công an xã Quảng Trị cung cấp cho Tòa án 01 biên bản về việc cam kết thỏa thuận nhận và trả tiền vay mượn của những người liên quan được lập ngày 24/7/2015 có chữ ký của bà T và bà T thể hiện ngày 25/5/2015 âm lịch bà T có mượn thêm của bà T 80.000.000đ, điều này phù hợp với số tiền, ngày bà T vay bà V. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Nguyễn Thị T để làm rõ vụ việc nhưng bà T không có mặt tại địa phương. Hiện nay bà T ở đâu bà T cũng không biết. Do vậy cần áp dụng các Điều 471 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà T phải trả cho bà V số tiền nợ gốc là 80.000.000đ.

**[3]** Đối với tiền lãi của số tiền gốc 80.000.000đ bà V yêu cầu lãi suất 0,75%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 30/5/2015 ( Âm lịch ) cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Qua xem xét yêu cầu của bà V về yêu cầu tính lãi là có cơ sở và đúng pháp luật, vì theo giấy vay tiền ngày 25/5/2015 các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không thỏa thuận lãi cụ thể, hạn trả nợ là ngày 30/5/2015, do vậy cần áp dụng các Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà T phải trả cho bà V số tiền lãi là 24.200.000đ (  $80.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 40 tháng$  10 ngày ( Ngày 30/5/2015 âm lịch thành ngày 15/7/2015 dương lịch đến ngày 26/11/2018 ) = 24.200.000đ ).

**[4]** Về chi phí giám định: Áp dụng các Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự cần buộc bà T phải nộp 4.860.000đ tiền chi phí giám định ( Tại giai đoạn phúc thẩm bà T đã nộp xong ).

**[5]** Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà T phải trả cho bà V số tiền 104.200.000đ gốc + Lãi nên bà T phải nộp 5.210.000đ án phí DSST ( $104.200.000đ \times 5\% = 5.210.000đ$  ).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Võ Thị V** về việc “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà **Đoàn Thị T**.

Buộc bà Đoàn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị V số tiền 104.200.000 ( Một trăm lẻ bốn triệu hai trăm ngàn ) đồng, trong đó tiền nợ gốc 80.000.000đ, tiền lãi 24.200.000đ.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2/ **Về chi phí giám định:** Áp dụng các Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự. Buộc bà Đoàn Thị T phải nộp 4.860.000đ tiền chi phí giám định (Bà T đã nộp xong ).

3/**Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Đoàn Thị T phải nộp 5.210.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị V 2.340.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001919 ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

( Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan ).

*“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Đình Phong**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tiếng Thơ    Đinh Trọng Hà**

**Nguyễn Đình Phong**







